



CỤC THUẾ TP.HỒ CHÍ MINH

CHÍNH SÁCH THUẾ NĂM 2023

TP. HCM, ngày 23 tháng 11 năm 2023

Báo cáo viên: Bà Phan Võ Phương Thảo

Phòng Tuyên truyền & Hỗ trợ người nộp thuế

NỘI DUNG

I Tổng hợp chính sách thuế năm 2023

II Một số hướng dẫn về hóa đơn điện tử

III Một số lưu ý khi thực hiện chính sách thuế

I Tổng hợp Chính sách thuế năm 2023

1. Nghị định số **12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023** của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023, có hiệu lực từ **ngày 14/4/2023 đến hết ngày 31/12/2023**.
 2. Quyết định số **25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023** của Thủ tướng Chính phủ về giảm tiền thuê đất năm 2023, có hiệu lực từ **ngày 20/11/2023**.
- * Lưu ý:** - Thời gian nộp hồ sơ chậm nhất là ngày 31/3/2024.
- Trường hợp người thuê đất nộp hồ sơ sau ngày 31/3/2024 thì không áp dụng giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định 25/2023/QĐ-TTg.

I Tổng hợp Chính sách thuế năm 2023

3. Nghị định số **36/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023** của Chính phủ quy định về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước, có hiệu lực từ **ngày 21/6/2023 đến hết ngày 31/12/2023**.
4. Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 của Chính phủ quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước, có hiệu lực từ **ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023**.

I Tổng hợp Chính sách thuế năm 2023

5. Nghị định số **44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023** của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, có hiệu lực từ **ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023**.
6. Thông tư số **19/2023/TT-BTC ngày 03/4/2023** của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Thông tư số 150/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010 hướng về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ quan báo chí, có hiệu lực từ **ngày 18/5/2023**.

I Tổng hợp Chính sách thuế năm 2023

7. Thông tư số **13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023** của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính; có hiệu lực từ **ngày 14/4/2023**.

I Tổng hợp Chính sách thuế năm 2023

8. Thông tư số **44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023** của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, có hiệu lực từ **ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023**.

II Một số hướng dẫn về hóa đơn điện tử



01

**TỔNG QUAN CHUNG VỀ HÓA ĐƠN,
CHỨNG TỪ**

02

QUẢN LÝ RỦI RO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

03

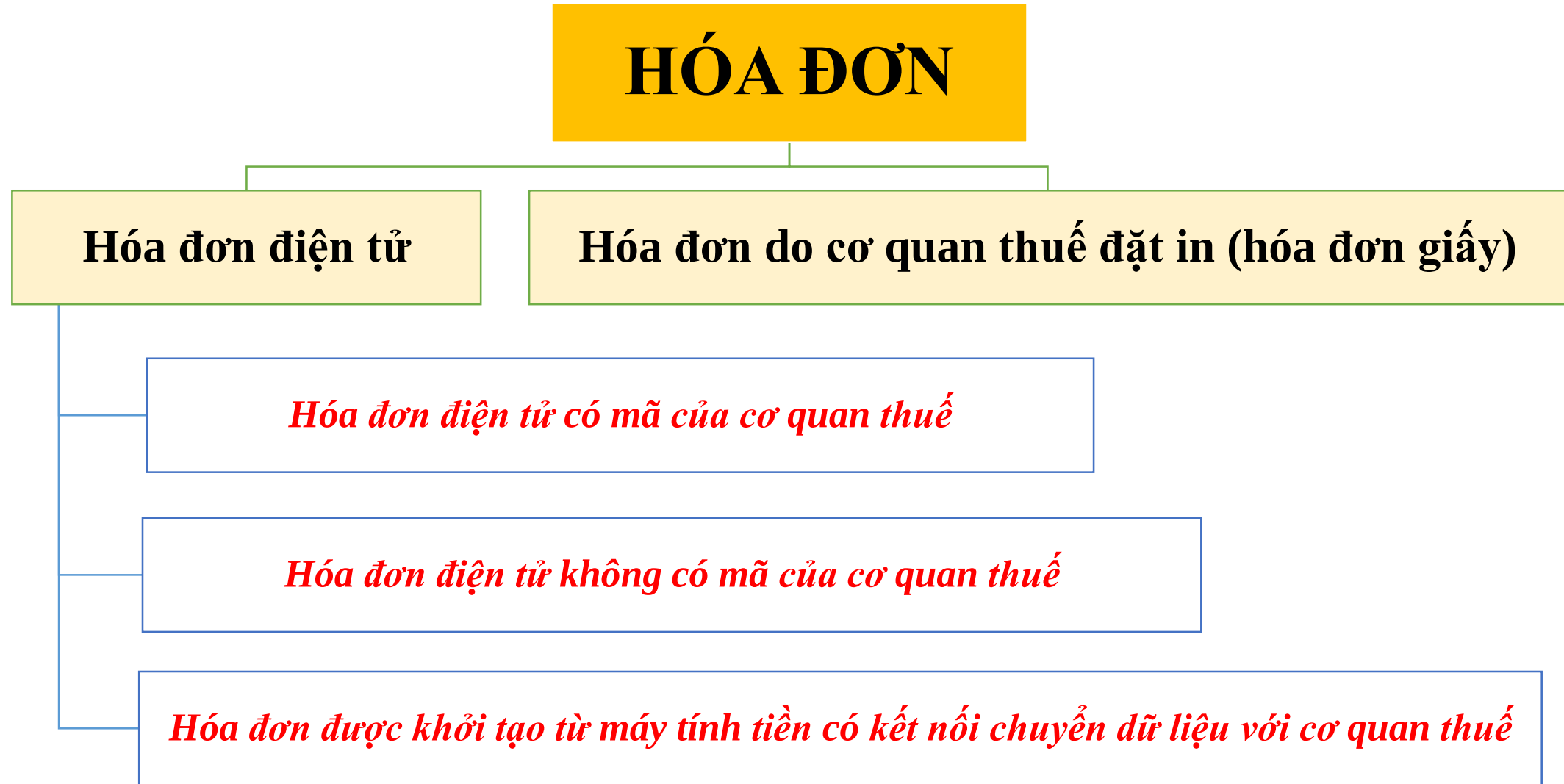
**TRA CỨU THÔNG TIN HÓA ĐƠN,
CHỨNG TỪ**

01

TỔNG QUAN CHUNG VỀ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ



1. Tổng quan chung về hóa đơn, chứng từ



1. Tổng quan chung về hóa đơn, chứng từ

HÓA ĐƠN CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ ĐƯỢC KHỞI TẠO TỪ MÁY TÍNH TIỀN CÓ KẾT NỐI CHUYỂN DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ VỚI CƠ QUAN THUẾ

HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế (sau đây gọi tắt là HĐĐT từ máy tính tiền) là **HĐĐT có mã của cơ quan thuế** được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập, ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế bằng phương tiện điện tử.



(Khoản 1 Điều 89 và khoản 2 Điều 90 Luật Quản lý thuế 2019)

1. Tổng quan chung về hóa đơn, chứng từ

HÓA ĐƠN CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ ĐƯỢC KHỞI TẠO TỪ MÁY TÍNH TIỀN CÓ KẾT NỐI CHUYỂN DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ VỚI CƠ QUAN THUẾ

Tại **khoản 2 Điều 90** Luật Quản lý thuế quy định:

*“Trường hợp người bán **có sử dụng máy tính tiền** thì người bán **đăng ký sử dụng** hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.”*



1. Tổng quan chung về hóa đơn, chứng từ



1

Nhóm kinh doanh ăn uống, nhà hàng, khách sạn



2

Nhóm bán lẻ hàng hóa (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ hàng tiêu dùng)



3

Nhóm bán lẻ thuốc tân dược



4

Nhóm dịch vụ khác (dịch vụ vui chơi giải trí, vé cầu đường, vé xe buýt, vé tham quan, du lịch,...)



5

Nhóm kinh doanh vàng bạc

Doanh nghiệp, hộ kinh doanh nộp thuế theo **phương pháp kê khai** hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực **trực tiếp đến người tiêu dùng**

HĐĐT khởi tạo từ MTT phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

có đăng ký sử dụng và đảm bảo nguyên tắc nhận biết được hóa đơn in từ MTT kết nối chuyển dữ liệu điện tử với CQT.

Khoản chi mua HHDV sử dụng HĐĐT MTT được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

Người bán có trách nhiệm sử dụng dải ký tự mã của CQT cấp khi lập hóa đơn để đảm bảo liên tục và duy nhất.

Chuyển dữ liệu HĐĐT có mã của CQT đã khởi tạo từ MTT cho cơ quan thuế.



Mã của CQT trên HĐĐT khởi tạo từ MTT

Mã của cơ quan thuế là dải ký tự bao gồm **23 ký tự**.

$C_1C_2 - C_3C_4 - C_5C_6C_7C_8C_9 -$
 $C_{10}C_{11}C_{12}C_{13}C_{14}C_{15}C_{16}C_{17}C_{18}C_{19}C_{20}$

C1: chữ cái M cố định thể hiện dấu hiệu nhận biết HĐĐT được khởi tạo từ MTT theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

C2: là ký hiệu được gán cố định thể hiện loại hóa đơn điện tử từ 1 đến 6 theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

C3C4: là 02 số cuối của năm phát hành hóa đơn được sinh tự động từ phần mềm bán hàng của NNT.

C5C6C7C8C9: là một chuỗi 05 ký tự do CQT cấp theo hình thức tự sinh từ hệ thống HĐĐT của CQT đảm bảo tính duy nhất.

C10C11C12C13C14C15C16C17C18C19C20: là chuỗi 11 số được tự sinh từ phần mềm bán hàng đảm bảo tính duy nhất.

Ký hiệu HĐĐT khởi tạo từ MTT

Lưu ý:

1. Mã của CQT (C_1C_2) thực hiện theo quy định tại Quyết định 1391/QĐ-TCT.

2. Ký hiệu hóa đơn thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Ví dụ:

- **1C23TAA** - HĐ GTGT là HĐĐT có mã của CQT
- **1C23MAA** - HĐ GTGT là HĐĐT khởi tạo từ MTT

3. Mã của cơ quan thuế trên HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền **có thể thiết lập cho nhiều máy tính tiền tại một hoặc nhiều địa điểm kinh doanh, đơn vị phụ thuộc** đảm bảo tính duy nhất của từng hóa đơn.





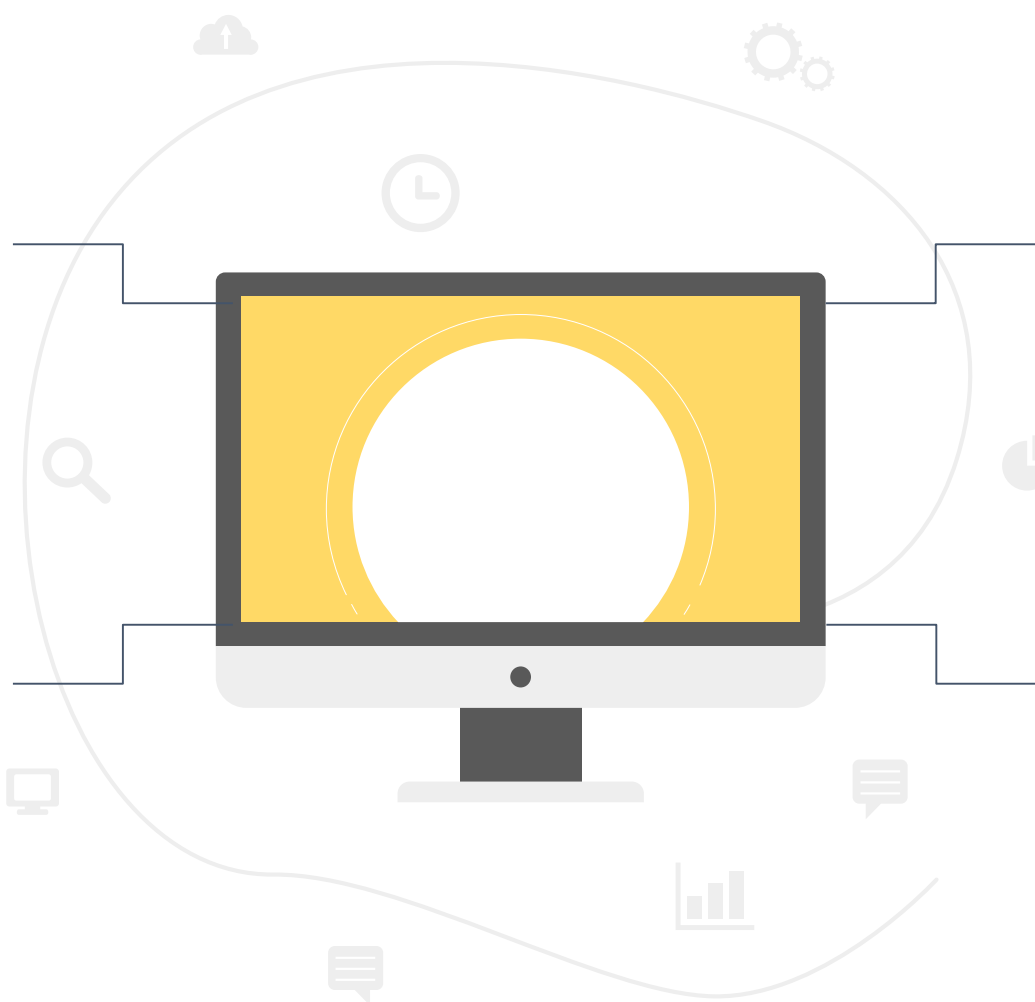
Nhận biết HĐĐT có mã của
cơ quan thuế và HĐĐT có
mã của cơ quan thuế khởi
tạo từ máy tính tiền

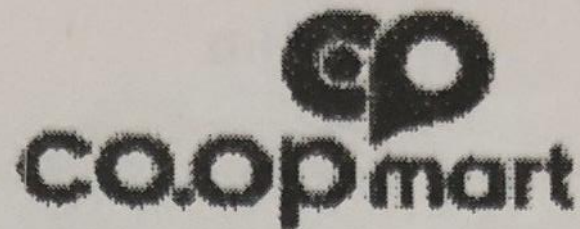
HĐĐT CÓ MÃ CỦA CQT KHỞI TẠO TỪ MTT

- Mã của cơ quan thuế là dải ký tự bao gồm **23 ký tự**.
- **Không bắt buộc có chữ ký số**;
- NNT được cấp một chuỗi gồm **5 ký tự** từ hệ thống HĐĐT, **định danh NNT** và đảm bảo tính **duy nhất**.

HĐĐT CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ

- Mã của cơ quan thuế là dải ký tự bao gồm **34 ký tự**.
- **Bắt buộc phải có chữ ký số của người bán**.
- **Số giao dịch** là một dãy số **duy nhất** do hệ thống của CQT tạo ra.





bạn của mọi nhà

Co.opMart Nguyen Dinh Chieu

Ma so thue: 0305772762

168 Nguyen Dinh Chieu, Phuong 6, Quan 3,

Thanh pho Ho Chi Minh

DT: (028) 39 301 384 Hotline: 1900555568

Email: chamsockhachhang@coopmart.vn

Website: www.co-opmart.com.vn

PHIEU TINH TIEN

Don hang sieu thi

Ma CQT: M1-23-I4PHU-00160701096

Quay: 7

Ngày: 07/10/2023 10:21:23

NV: 15539404-THÀNH

Số HD: 81630

8935077356465 Chau Cuc hoa mi-DLHF990

VAT5% 1 60.000 đ 60.000 đ

8935320603971 Ao kieu nu NT 23209-NBR

VAT8% 1 280.000 đ 280.000 đ

8935281072298 Ao somi nam DT 16331-NBR990

Mã của CQT trên
HĐĐT có mã
khởi tạo từ máy
tính tiền

**MÌ QUẢNG MỸ SƠN 38B ĐÌNH TIÊN
HOÀNG**

38B ĐÌNH TIÊN HOÀNG P.ĐAKAO Q1
HOTLINE: 0909 57 9090

HÓA ĐƠN THANH TOÁN

Số: 2306024390

Ngày: 14/10/2023 (11:06 SA - 11:38 SA)

Bàn: 10

SL khách: 2

Phục vụ: Lê Vũ Ba

Thu ngân: Huỳnh Thị Kim Oanh

#	Tên món	SL	ĐG	% KM	TT
1	Mì Quảng Chả Cua	1	65.000		65.000
2	Sữa Bắp	1	25.000		25.000

Tiền hàng 90.000đ

Tổng thanh toán 90.000đ

Tiền mặt 90.000đ

Trả lại khách 0đ

PHIẾU TẠM TÍNH

Số: 2101001412

Ngày: 23/04/2021 (20:36 - 21:01)

Bàn: BÀN 7

Thu ngân: DIỆU

#	Tên món	SL	ĐG	TT
1	SỒ DAI ĐUONG LỚN LOẠI 1	0,5	380.000	190.000
2	ỐC NHẢY LỚN	0,8	450.000	360.000
3	NƯỚC SÚI	1	10.000	10.000
4	ỐC HUƠNG LỚN	0,5	1.800.000	900.000

Tổng thanh toán 1.460.000đ

Còn phải thu 1.460.000đ

Vui lòng kiểm tra kỹ lại nội dung trước khi thanh
toán!

ĐC: Khu Khả Lễ 2, Võ Cường, Bắc Ninh

ĐT: 0904335335

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

NT 01

Ngày: [REDACTED]

Số: 091800007

Thu ngân: Administrator

In lúc: 21:35

Giờ vào: 21:35

Giờ ra: 21:35

Mặt hàng	SL	ĐVT	Giá	T tiền
Sữa chua Dâu	1	ly	25,000	25,000
Sữa chua Chanh leo	2	ly	25,000	50,000
Sữa nóng	1	ly	20,000	20,000

Tổng: 95,000

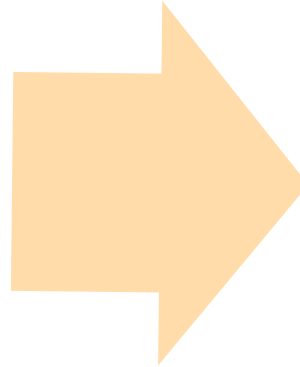
Cảm ơn Quý khách. Hẹn gặp lại.!

Đây không phải là hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ
máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

1. Tổng quan chung về hóa đơn, chứng từ

CHUYỂN ĐỔI

HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ
ĐIỆN TỬ



HÓA ĐƠN, CHỨNG
TỪ GIẤY

- Theo yêu cầu nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; Theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, điều tra;
- Bảo đảm sự **khớp đúng** giữa nội dung của hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử và hóa đơn, chứng từ giấy sau khi chuyển đổi.
- **Chỉ có giá trị lưu giữ để ghi sổ**, theo dõi theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về giao dịch điện tử;
- **Không có hiệu lực để giao dịch, thanh toán, trừ trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.**

2. Thời điểm lập hóa đơn



- Thời điểm lập hóa đơn **đối với bán hàng hóa** (bao gồm cả bán tài sản nhà nước, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) **là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa** cho người mua, **không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.**
- Thời điểm lập hóa đơn **đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ** **không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.**

(Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)

2. Thời điểm lập hóa đơn



- Trường hợp người cung cấp dịch vụ **có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền** (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).
- Trường hợp **giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ** thì **mỗi lần** giao hàng hoặc bàn giao **đều phải lập hóa đơn** cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.

(Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)

2. Nội dung của hóa đơn

Thực hiện theo quy định Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP



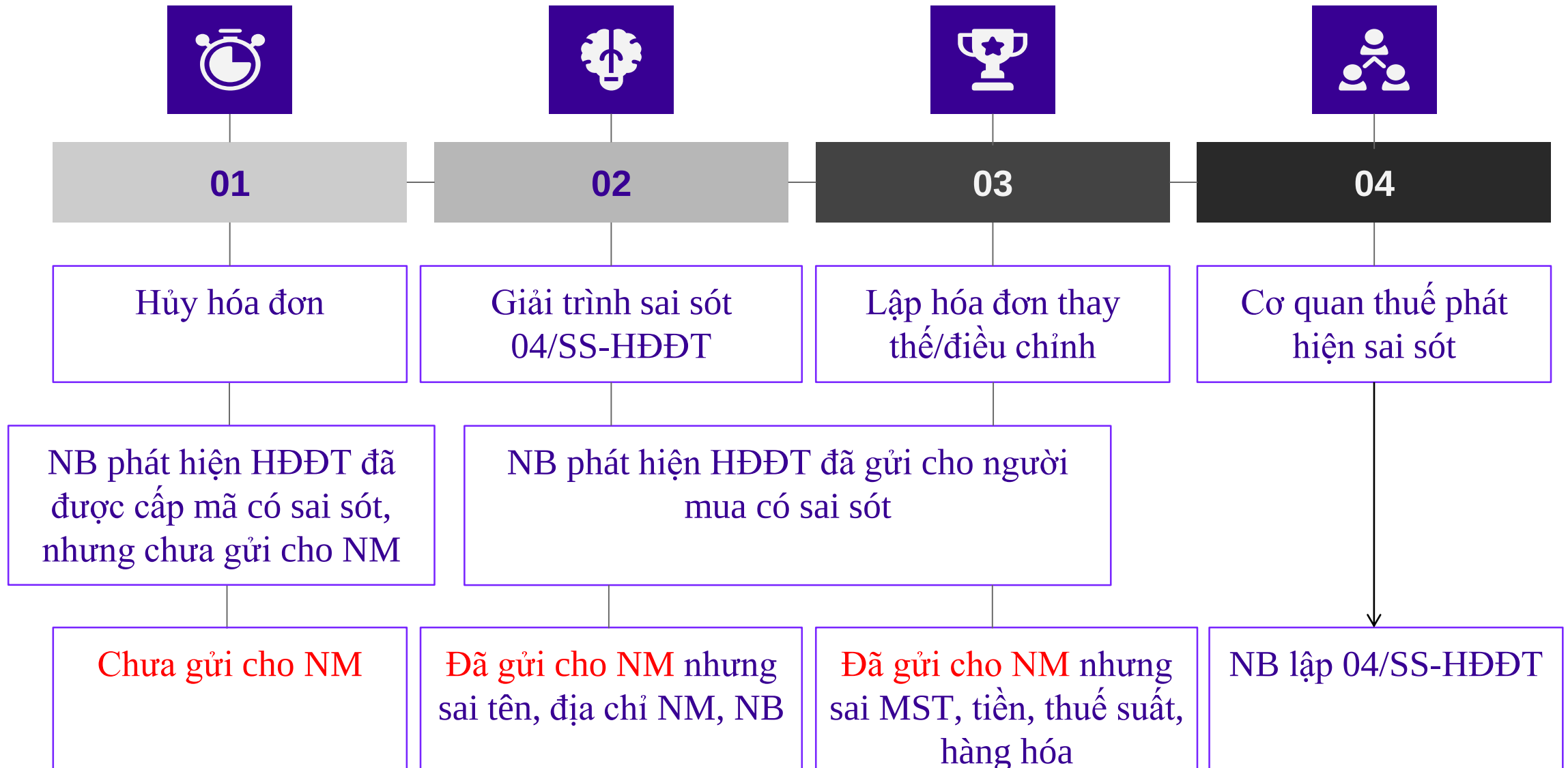
**Thời điểm kê
khai thuế GTGT
theo hóa đơn
điện tử**

Về khai thuế GTGT đối với hóa đơn điện tử có ngày lập khác ngày ký
Trường hợp hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đã lập có
thời điểm ký số trên hóa đơn khác thời điểm lập hóa đơn thì nếu
thời điểm ký số trên hóa đơn phát sinh cùng thời điểm hoặc sau thời
điểm lập hóa đơn thì hóa đơn điện tử đã lập vẫn được xác định là hóa
đơn hợp lệ:

- Người bán thực hiện kê khai nộp thuế GTGT theo thời điểm lập hóa đơn phù hợp theo quy định;
- Người mua thực hiện kê khai thuế đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung tại thời điểm nhận hóa đơn theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

(Công văn 1586/TCT-CS ngày 04/05/2023 của Tổng cục Thuế)

3. Xử lý sai sót hóa đơn điện tử



**Xử lý sai sót đối
với HĐĐT theo
Nghị định
123/2020/NĐ-CP**

HĐĐT có mã của cơ quan thuế hoặc HĐĐT không có mã của cơ quan thuế **đã gửi cho người mua** mà người mua hoặc người bán phát hiện có sai mã số thuế, sai sót về số tiền ghi trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng và **xử lý sai sót bằng cách lập hóa đơn điện tử thay thế/điều chỉnh** thì:

- Trường hợp HĐĐT đã lập có sai sót, người mua và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế, sau đó lại phát hiện hóa đơn **tiếp tục có sai sót** thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi **xử lý sai sót lần đầu**.
- Trường hợp theo quy định HĐĐT được lập **không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn có sai sót thì người bán chỉ thực hiện điều chỉnh mà không thực hiện hủy hoặc thay thế**.
- **Ví dụ:** Đối với hóa đơn điện tử bán **xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh** thì không nhất thiết phải có các chỉ tiêu tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn...thì khi **có sai sót thì người bán chỉ thực hiện điều chỉnh** trên bảng tổng hợp mà **không thực hiện hủy hoặc thay thế**

HĐĐT
bán xăng dầu
theo Nghị định
123/2020/NĐ-CP

- Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với trường hợp **bán xăng dầu tại các cửa hàng bán lẻ** cho khách hàng là **thời điểm kết thúc việc bán xăng dầu theo từng lần bán.**

Người bán phải đảm bảo lưu trữ đầy đủ hóa đơn điện tử đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh, cá nhân kinh doanh và đảm bảo có thể tra cứu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

(điểm i khoản 4 Điều 9 NĐ 123/2020/NĐ-CP)

- Riêng đối với trường hợp **bán xăng dầu cho khách hàng thì** người bán **tổng hợp dữ liệu** tất cả các hóa đơn bán xăng dầu trong ngày **theo từng mặt hàng** để thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử và **chuyển bảng tổng hợp** dữ liệu hóa đơn điện tử này **ngay trong ngày.**

(tiết a.1 điểm a khoản 3 Điều 22 NĐ 123/2020/NĐ-CP)

**Xử lý sai sót đối
với Bảng tổng
hợp HĐĐT theo
Nghị định
123/2020/NĐ-CP**

**Xử lý sai sót hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế
gửi theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử:**

Đối với HĐĐT không có mã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế theo phương
thức chuyển dữ liệu theo bảng tổng hợp Mẫu 01/TH-HĐĐT thì người bán
gửi thông tin **hủy, điều chỉnh trực tiếp trên bảng tổng hợp của các kỳ
tiếp theo mà không gửi thông báo hóa đơn điện tử có sai sót theo Mẫu
số 04/SS-HĐĐT đến cơ quan thuế.**

Điều chỉnh hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu HĐĐT **phải điền đủ
các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn** vào
cột 14 “thông tin hóa đơn liên quan” tại Mẫu 01/TH-HĐĐT (trừ trường hợp
HĐĐT không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa
đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn).

**Hủy hóa đơn
điện tử đã lập
theo Nghị định
123/2020/NĐ-CP**

Căn cứ **khoản 1 Điều 19** Nghị định số 123/2020/NĐ-CP xử lý hóa đơn có sai sót:

- “1. Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử **đã được cấp mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót** thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc **hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập** có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới, ký số gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua.”

Căn cứ **điểm b khoản 1 Điều 7** Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn xử lý hóa đơn có sai sót:

- “b) Trường hợp người bán **lập hóa đơn khi thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ** theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP sau đó có **phát sinh việc hủy hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ** thì người bán thực hiện **hủy hóa đơn điện tử đã lập** và thông báo với cơ quan thuế về việc hủy hóa đơn theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.”

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CHỨNG TỪ KHẤU TRÙ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐIỆN TỬ



**Chứng từ khấu
trừ thuế TNCN
theo Nghị định
123/2020/NĐ-CP**

- Đối với cá nhân **không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng** thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được lựa chọn cấp CTKT thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một CTKT cho nhiều lần khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế.
- Đối với cá nhân **ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên**, tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một CTKT thuế trong một kỳ tính thuế.



- Tổ chức chi trả thu nhập khi sử dụng CTKT thuế TNCN điện tử **không bắt buộc phải đăng ký, thông báo phát hành, chuyển dữ liệu** điện tử đến CQT.
- Tổ chức chi trả thu nhập **tự xây dựng hệ thống** phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử **đảm bảo các nội dung bắt buộc** theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.
- Trong thời gian chưa kịp triển khai CTKT thuế TNCN điện tử, tổ chức (bao gồm cả cơ quan thuế), doanh nghiệp có thể sử dụng CTKT thuế TNCN theo hình thức tự phát hành.
- Từ 01/7/2022, cơ quan thuế không tiếp tục bán CTKT thuế TNCN do cơ quan thuế đặt in; đối với trường hợp đang còn tồn CTKT mua của cơ quan thuế thì tiếp tục sử dụng.

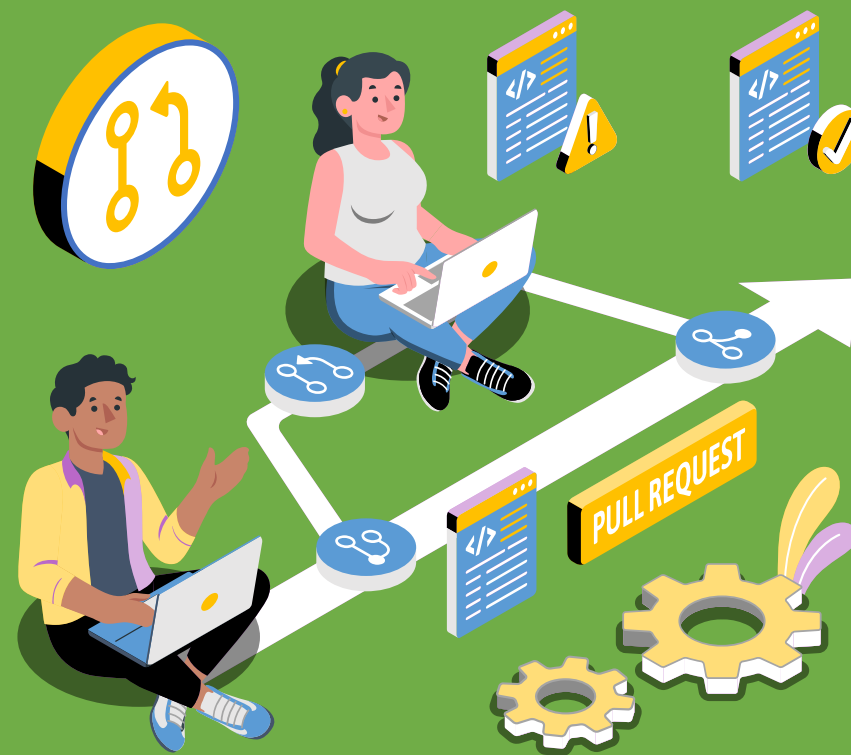
(Công văn 2455/TCT-DNNCN ngày 12/7/2022)

Về việc sử dụng CTKT thuế TNCN điện tử



02

QUẢN LÝ RỦI RO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ



1. Những khái niệm trong vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn:

- **Hóa đơn, chứng từ hợp pháp** là hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.
- **Hóa đơn, chứng từ giả** là hóa đơn, chứng từ được in hoặc khởi tạo theo mẫu hóa đơn, chứng từ đã được thông báo phát hành của tổ chức, cá nhân khác hoặc in, khởi tạo trùng số của cùng một ký hiệu hóa đơn, chứng từ hoặc làm giả hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.
- **Vi phạm hành chính về hóa đơn** là hành vi có lỗi do tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về hóa đơn mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

(Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)

2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế và các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ:

a. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế:

- Cố tình không kê khai hoặc kê khai thuế không đầy đủ, kịp thời, chính xác về số tiền thuế phải nộp.
- Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật, sử dụng hóa đơn không hợp pháp và sử dụng không hợp pháp hóa đơn.

(Điều 6 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 & Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)

2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế và các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ:

b. Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ:

Đối với tổ chức, cá nhân bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan bị cấm thực hiện các hành vi sau:

- Thực hiện hành vi gian dối như **sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn**;
- Cản trở công chức thuế thi hành công vụ, cụ thể các hành vi cản trở gây tổn hại sức khỏe, nhân phẩm của công chức thuế khi đang thanh tra, kiểm tra về hóa đơn, chứng từ;
- Truy cập trái phép, làm sai lệch, phá hủy hệ thống thông tin về hóa đơn, chứng từ;
- Đưa hối lộ hoặc thực hiện các hành vi khác liên quan hóa đơn, chứng từ nhằm mưu lợi bất chính.

(Điều 6 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 & Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP)

3. Các hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp:

- Sử dụng hóa đơn, chứng từ **giả**;
- Sử dụng hóa đơn, chứng từ **chưa có giá trị sử dụng, hết giá trị sử dụng**;
- Sử dụng hóa đơn **bị ngừng sử dụng** trong thời gian bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, trừ trường hợp được phép sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế;
- Sử dụng hóa đơn điện tử **không đăng ký** sử dụng với cơ quan thuế;
- Sử dụng hóa đơn điện tử **chưa có mã của cơ quan thuế đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế**;

(Khoản 9 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP & Khoản 1 Điều 4 Nghị định 125/2020/NĐ-CP)

3. Các hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp:

Ngày cơ quan thuế ra thông báo người bán không hoạt động
tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế

Ngày lập hóa đơn

Trước ngày xác định bên lập hóa đơn, chứng từ không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc bên lập hóa đơn, chứng từ không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền

Ngày lập trên hóa đơn từ ngày cơ quan thuế xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

=> nhưng cơ quan thuế hoặc cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là hóa đơn, chứng từ không hợp pháp.

(Khoản 9 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP & Khoản 1 Điều 4 Nghị định 125/2020/NĐ-CP)

4. Các hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ:

- Sử dụng hóa đơn, chứng từ **không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc** theo quy định; hóa đơn tẩy xóa, **sửa chữa không đúng quy định**;
- Sử dụng hóa đơn, chứng từ **khống** (hóa đơn, chứng từ đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hóa, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ); hóa đơn **phản ánh không đúng giá trị** thực tế phát sinh hoặc lập hóa đơn khống, lập hóa đơn **giả**;
- Sử dụng hóa đơn **có sự chênh lệch** về giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc **sai lệch các tiêu thức bắt buộc** giữa các liên của hóa đơn;

(Khoản 9 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP & Khoản 2 Điều 4 Nghị định 125/2020/NĐ-CP)

4. Các hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ:

- Sử dụng hóa đơn để **quay vòng khi vận chuyển** hàng hóa trong khâu lưu thông hoặc dùng hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ này để chứng minh cho hàng hóa, dịch vụ khác;
- Sử dụng hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân **khác** (trừ hóa đơn của cơ quan thuế và trường hợp được ủy nhiệm lập hóa đơn) để **hợp thức hóa** hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc hàng hóa, dịch vụ bán ra;
- Sử dụng hóa đơn, chứng từ mà cơ quan thuế hoặc cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã **kết luận là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ**.

(Khoản 9 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP & Khoản 2 Điều 4 Nghị định 125/2020/NĐ-CP)

5. Các hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ:

- Lập hóa đơn **không đúng thời điểm** theo quy định.
- Lập hóa đơn **không theo thứ tự** từ số nhỏ đến số lớn theo quy định.
- **Không lập hóa đơn** đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất.
- **Lập sai loại hóa đơn** theo quy định đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế.

(Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

5. Các hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ:

- Lập hóa đơn điện tử khi **chưa có thông báo chấp thuận** của cơ quan thuế **hoặc trước ngày cơ quan thuế chấp nhận** việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế.
- Lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ **trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh**, trừ trường hợp lập hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày thông báo tạm ngừng kinh doanh.
- Lập hóa đơn điện tử **từ máy tính tiền không có kết nối**, chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

(Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

5. Các hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ:

Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ

- Điều 17 quy định về xử phạt hành vi trốn thuế;
- Điều 24 quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ

6. Các hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử:

- Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quá thời hạn theo quy định.
- Chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử không đầy đủ số lượng hóa đơn đã lập trong kỳ.
- Không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế theo thời hạn quy định.

Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu HĐĐT thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ

(Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

03

TRA CỨU THÔNG TIN HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ



CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ



HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch

[Trang chủ](#) [Giới thiệu](#) [Hỗ trợ](#) [Liên hệ](#) [Danh sách TCTN](#) [Đăng nhập](#)

< **Tra cứu hóa đơn điện tử**

Tra cứu DN đăng ký sử dụng HĐĐT - MTT

Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử >

MST người bán (*)

Loại hóa đơn (*)

Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng



Ký hiệu hóa đơn (*)

Nhập ký hiệu hóa đơn. Ví dụ C21TAA hoặc K21TAA

Số hóa đơn (*)

Tổng tiền thuế

Tìm kiếm

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

1/-Tra cứu doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử



HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch

[Trang chủ](#) [Giới thiệu](#) [Hỗ trợ](#) [Liên hệ](#) [Danh sách TCTN](#) [Đăng nhập](#)

[Tra cứu hóa đơn điện tử](#) **[Tra cứu DN đăng ký sử dụng HĐĐT](#)** [Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử](#) [Lập](#)

Mã số thuế (*)

Mã captcha Nhập mã captcha (*)

MST 0107001729 đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP

Nhập mã số thuế cần tra cứu

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

2/-Tra cứu hóa đơn điện tử khi không có tài khoản hóa đơn điện tử

Nhập các tham số tra cứu

Tra cứu hóa đơn điện tử

MST người bán (*)

Loại hóa đơn (*)

Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng

Ký hiệu hóa đơn (*)

Nhập ký hiệu hóa đơn. Ví dụ C21TAA hoặc K21TAA

Số hóa đơn (*)

Tổng tiền thuế

Tìm kiếm

Lưu ý: Ký hiệu hóa đơn điện tử là nhóm 6 ký tự.
Ví dụ: C22TAA

ĐĂNG NHẬP VÀO HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

3/-Tra cứu hóa đơn điện tử khi có tài khoản hóa đơn điện tử

← → ↻ hoadondientu.gdt.gov.vn → Hoadondientu.gdt.gov.vn ⌵ ☆ □ F ⋮

 **HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ**
Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch

Trang chủ Giới thiệu Hỗ trợ Liên hệ Danh sách TCTN **Đăng nhập**

< **Tra cứu hóa đơn điện tử** Tra cứu DN đăng ký sử dụng HĐĐT - MTT Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử >

MST người bán (*)

Loại hóa đơn (*)
Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng ▾

Ký hiệu hóa đơn (*)
Nhập ký hiệu hóa đơn. Ví dụ C21TAA hoặc K21TAA

Số hóa đơn (*)

Tổng tiền thuế

Tìm kiếm

50

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

1

 **Đăng nhập** X

Tên đăng nhập

Mật khẩu

Mã captcha



* Nhập mã captcha

[Quên mật khẩu](#)

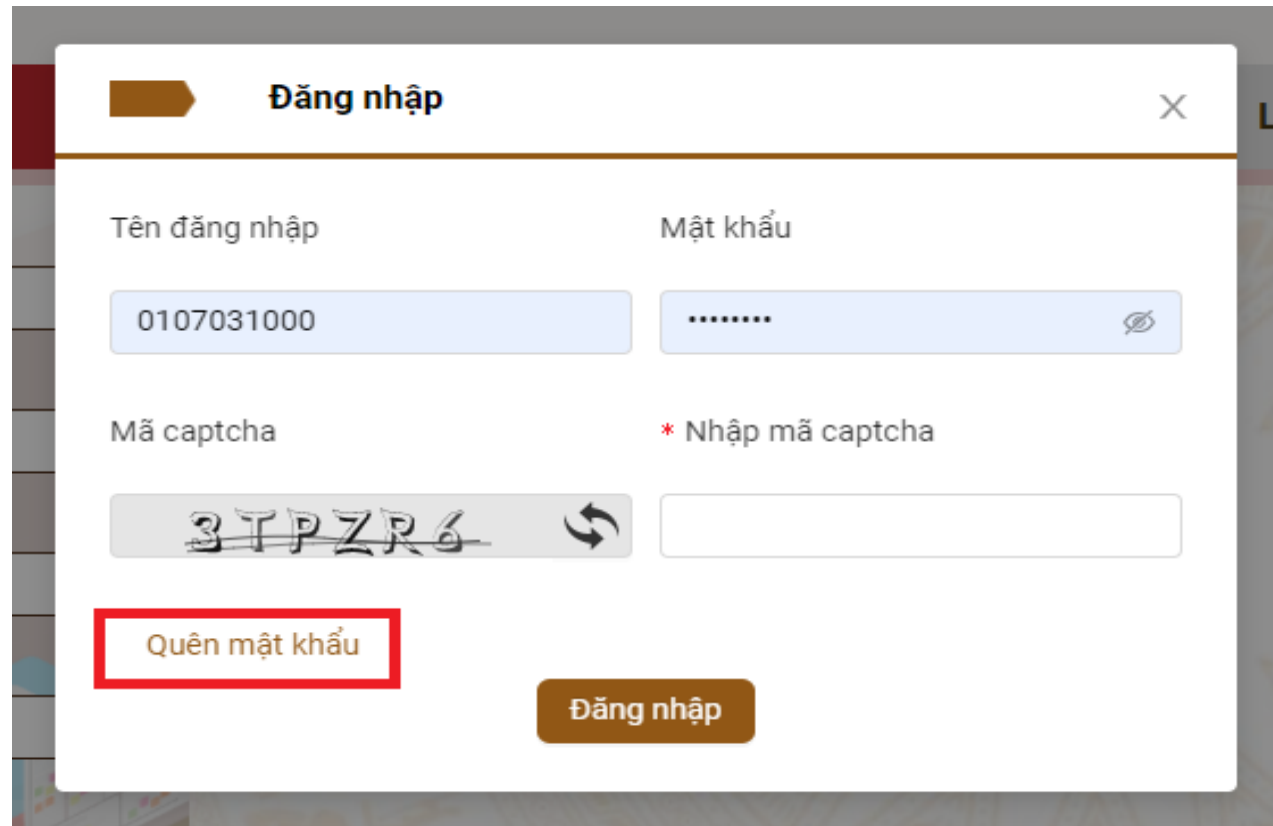
Đăng nhập

Tên đăng nhập và mật khẩu được gửi qua địa chỉ email đã đăng ký trên tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

❖ Chức năng quên mật khẩu

Trường hợp người sử dụng quên mật khẩu khi đăng nhập vào tài khoản: NNT thực hiện bấm vào nút “Quên mật khẩu” trên màn hình giao diện đăng nhập.



The screenshot shows a login window titled "Đăng nhập" (Login) with a close button (X) in the top right corner. The window contains the following elements:

- Tên đăng nhập** (Login name): A text input field containing "0107031000".
- Mật khẩu** (Password): A text input field with masked characters "....." and an eye icon for toggling visibility.
- Mã captcha** (Captcha code): A text input field next to a captcha image showing the code "3TPZR6" and a refresh icon.
- * Nhập mã captcha** (Enter captcha code): A label for the captcha input field.
- Quên mật khẩu** (Forgot password): A button highlighted with a red rectangular border.
- Đăng nhập** (Login): A brown button at the bottom right.

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

❖ Màn hình hiển thị chức năng Quên mật khẩu

Đăng nhập

Quên mật khẩu

Tên đăng nhập

Bước 1: Nhập tên tài khoản đăng nhập

Lấy lại mật khẩu

Bước 2: Bấm lấy lại mật khẩu

Đăng nhập

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Thông báo thay đổi mật khẩu sẽ được gửi về Mail của NNT

Thông báo v/v mật khẩu đã được thay đổi trên hệ thống hóa đơn điện tử



hoadondientu@gdt.gov.vn

Hôm nay, 10:41 SA

Anh, Dang Thi Lan

🔗 Trả lời tất cả | ▼

Kính gửi: CÔNG TY TNHH - 0107031000

Mật khẩu của bạn đã được thiết lập lại. Hệ thống gửi thông tin tài khoản sử dụng trên cổng thông tin điện tử của TCT như sau:

Tên đăng nhập: 0107031000

Mật khẩu mới: lv8@#@O#

Để đảm bảo an toàn, đề nghị bạn ngay sau khi đăng nhập hãy thực hiện "Thay đổi mật khẩu".

Trân trọng

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ



HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch



1

2

- Quản lý hóa đơn ▼
- Thông báo hóa đơn sai sót ▼
- Thông báo hóa đơn phát sinh sai sót ▼
- Quản lý hóa đơn phát sinh ▼
- Đề nghị cấp hóa đơn ▼
- Quản lý đăng ký ▼
- Quản lý đăng ký ủy nhiệm ▼
- Quản lý hệ thống ▼
- Quản lý danh mục ▼
- Tra cứu ▼

3

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Chức năng Tra cứu dữ liệu:

3



Tra cứu ▼

Tra cứu hóa đơn

Tra cứu bảng tổng hợp

Thông báo từ CQT

Tra cứu đề nghị phát sinh



HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Tra cứu hóa đơn (các hóa đơn cơ quan thuế đã tiếp nhận)

Tra cứu hóa đơn điện tử bán ra

Tra cứu hóa đơn điện tử mua vào

Danh sách hóa đơn điện tử bán ra

MST người mua		CCCD người mua	
Trạng thái hóa đơn (*)	Tất cả	Ngày lập hóa đơn (*)	Từ ngày 23/10/2023 Đến ngày 22/11/2023
Kết quả kiểm tra (*)	Tất cả	Ký hiệu mẫu số hóa đơn	
Số hóa đơn		Ký hiệu hóa đơn	
Hóa đơn ủy nhiệm	☐		

Tìm kiếm

Bỏ tìm kiếm

Hóa đơn điện tử

Hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

STT	Ký hiệu mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày lập	Thông tin hóa đơn	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
							57

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Tra cứu thông báo về hóa đơn từ cơ quan thuế

6

Tra cứu

▼

Tra cứu hóa đơn

Tra cứu bảng tổng hợp

Thông báo từ CQT

Tra cứu đề nghị phát sinh

Tra cứu dữ liệu Etax

Tra cứu dữ liệu Etax chi tiết

<

Thông báo 01/TB-KTDL

Thông báo 01/TB-TNĐT

Thông báo 01/TB-SSĐT hoặc 01/TB-HĐSS

Thông báo 01/TB-RSDT

>

Danh sách thông báo 01/TB-KTDL

☒ Mã giao dịch

☐ Ngày gửi thông báo

Mã giao dịch (*)

Tìm kiếm

Bỏ tìm kiếm

Có 0 kết quả

<

1 / 1

>

15▼

Hóa đơn điện tử

Hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

STT	Số thông báo	Ngày cơ quan thuế gửi	Tên thông báo	Mã giao dịch	Kết quả thông báo
58					

III

MỘT SỐ LƯU Ý KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ





Khai bổ sung hồ sơ khai thuế

Lưu ý về gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất

Lưu ý về giảm thuế GTGT

Lưu ý về hóa đơn điện tử



Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế

1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.

2. Khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế thì người nộp thuế vẫn được khai bổ sung hồ sơ khai thuế; cơ quan thuế thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại [Điều 142](#) và [Điều 143](#) của Luật này.

(Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14)

KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH



Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế

3. Sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế thì việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế được quy định như sau:

a) Người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với trường hợp làm tăng số tiền thuế phải nộp, giảm số tiền thuế được khấu trừ hoặc giảm số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn và bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại [Điều 142 và Điều 143 của Luật này](#);

b) Trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót nếu khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế.

(Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14)

KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH



Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế

4. Hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế bao gồm:

- a) Tờ khai bổ sung;
- b) Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan.

(Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14)

**KHAI
BỔ
SUNG,
ĐIỀU
CHỈNH**



Điều 7. Hồ sơ khai thuế

...

4. Người nộp thuế được nộp hồ sơ khai bổ sung cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế và theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Người nộp thuế khai bổ sung như sau:

a) Trường hợp **khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế** thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp Tờ khai bổ sung.

Trường hợp **chưa nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm** thì người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.

Trường hợp **đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm** thì chỉ khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm; riêng trường hợp khai bổ sung tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.

(khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)

KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH



Điều 7. Hồ sơ khai thuế

4. Người nộp thuế được nộp hồ sơ khai bổ sung cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế và theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Người nộp thuế khai bổ sung như sau:

...

b) Người nộp thuế khai bổ sung dẫn đến tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế đã được ngân sách nhà nước hoàn trả thì phải nộp đủ số tiền thuế phải nộp tăng thêm hoặc số tiền thuế đã được hoàn thừa và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có).

Trường hợp khai bổ sung chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau thì phải kê khai vào kỳ tính thuế hiện tại.

Người nộp thuế chỉ được khai bổ sung tăng số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

(khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020)

KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH



GIA HẠN THỜI HẠN NỘP THUẾ NGHỊ ĐỊNH 12/2023/ NĐ-CP

- Đối tượng được gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại [Điều 3 Nghị định số 12/2023/NĐ-CP](#).
- Có hoạt động sản xuất, kinh doanh và **phát sinh doanh thu trong năm 2022 hoặc 2023** đối với ngành nghề, lĩnh vực thuộc đối tượng được gia hạn theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 12/2023/NĐ-CP.
- Người nộp thuế phải gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đến cơ quan thuế, **chậm nhất là ngày 30/9/2023**.

**GIA HẠN
THỜI
HẠN NỘP
THUẾ,
TIỀN
THUÊ
ĐẤT
NGHỊ
ĐỊNH
12/2023/
NĐ-CP**

1. Đối với thuế GTGT (trừ thuế GTGT khâu nhập khẩu) của tổ chức
 - Kỳ tính thuế theo tháng:
 - Thời hạn nộp thuế GTGT của kỳ tính thuế **tháng 5, 6, 7, 8 năm 2023 chậm nhất là ngày 20/12/2023.**
 - Kỳ tính thuế theo quý:
 - Thời hạn nộp thuế GTGT của kỳ tính thuế **quý II năm 2023 chậm nhất là ngày 31/12/2023.**
2. Đối với thuế GTGT, thuế TNCN của **hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được gia hạn chậm nhất là ngày 30/12/2023.**
3. Đối với tiền thuê đất
 - Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2023.
 - Thời gian gia hạn là 06 tháng kể từ **ngày 31/5/2023 đến ngày 30/11/2023.**

Giảm thuế GTGT theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP

Nguyên tắc xác định hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT:

Căn cứ hàng hóa, dịch vụ thực tế đang kinh doanh (bán ra), đối chiếu với các nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế được liệt kê tại Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP theo nguyên tắc:

- Nếu hàng hóa, dịch vụ **thuộc Danh mục** hàng hóa, dịch vụ được liệt kê tại các **Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III** ban hành kèm theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP **thì không được giảm thuế** giá trị gia tăng.
- Nếu hàng hóa, dịch vụ (đang áp dụng thuế suất 10%) **không thuộc Danh mục** hàng hóa, dịch vụ tại các **Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III** ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP **thì được giảm thuế** giá trị gia tăng và áp dụng thuế suất 8%.

Giảm thuế GTGT theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP

(Công văn 4590/TCT-CS ngày 16/10/2023 của Tổng cục Thuế)

Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động **in gia công vé số kiến thiết, in gia công vỏ bao thuốc lá, mà không sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt**, không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ, **thì thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng.**

Hóa đơn điện tử áp dụng cho xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ

Từ 01/07/2022, thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP , theo đó khi xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài người nộp thuế thực hiện **sử dụng hóa đơn theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.**

- Cơ sở kinh doanh kê khai, nộp thuế GTGT theo **phương pháp khấu trừ** có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu) khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sử dụng **hóa đơn giá trị gia tăng điện tử** theo quy định tại Điều 13 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

- Tổ chức, cá nhân trong **khu phi thuế quan**, tổ chức, cá nhân khai, tính thuế GTGT theo **phương pháp trực tiếp**, khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sử dụng **hóa đơn bán hàng điện tử** (Công văn 8404/BTC-TCT ngày 23/8/2022).

Hóa đơn của doanh nghiệp chế xuất

(Công văn 5050/TCT-CS ngày 10/11/2023 của Tổng cục Thuế)

+ Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định:

“Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan”.

Trường hợp DNCX thực hiện hoạt động **gia công** cho doanh nghiệp nội địa theo đúng quy định pháp luật thì thực hiện hóa đơn theo quy định, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan”.

Thời điểm lập hóa đơn cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Thời điểm lập hóa đơn điện tử khi **doanh nghiệp chế xuất xuất khẩu sản phẩm và trường hợp xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng** hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền theo quy định tại **khoản 1 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP** ngày 19/10/2020.

Khi xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. **Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, cơ sở lập hóa đơn cho hàng hóa xuất khẩu.**

Thời điểm lập hóa đơn cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

(Công văn 4890/TCT-KK ngày 02/11/2023 của Tổng cục Thuế)

Cơ sở để xác định hàng hóa xuất khẩu và thời điểm xác định doanh thu xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/05/2014 sửa đổi khoản 4 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính; Khoản 33, Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

“Ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.”

(khoản 7 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC)

Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế

(Công văn 11907/CTTPHCM-TTHT ngày 29/9/2023 của Cục Thuế TPHCM)

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-TCT ngày 21/9/2022 của Tổng cục Thuế đã bổ sung thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ HĐĐT của loại hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế và nâng cấp Hệ thống HĐĐT để tiếp nhận được dữ liệu hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

Trường hợp **doanh nghiệp được CQT có văn bản chấp thuận được bán hàng hoàn thuế GTGT** theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 **thì doanh nghiệp thực hiện đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn** khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Doanh nghiệp có trách nhiệm **lập hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế và truyền thông tin đến Hệ thống quản lý hoàn thuế GTGT** cho người nộp thuế theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi khoản 2, khoản 8 và bổ sung khoản 2a Điều 9 Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014.

Hóa đơn GTGT cho chi nhánh hạch toán phụ thuộc

- Trường hợp Công ty có Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc trực tiếp bán hàng đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính thì đơn vị phụ thuộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc. Trên hóa đơn thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế người bán là của đơn vị phụ thuộc.
- Trường hợp đơn vị phụ thuộc không đăng ký sử dụng hóa đơn riêng thì khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, đơn vị phụ thuộc sử dụng hóa đơn của Công ty.

Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

(Công văn 4694/TCT-DNNCN ngày 24/10/2023 của Tổng cục Thuế)

- Người nộp thuế **có kinh doanh nhiều ngành nghề, nhiều mô hình kinh doanh có thể sử dụng nhiều hình thức hóa đơn điện tử** nếu đáp ứng điều kiện về đăng ký sử dụng hóa đơn theo quy định.
- Đối với hóa đơn điện tử có mã của CQT được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với CQT **không bắt buộc phải có thông tin địa chỉ người mua.**
- Tuy nhiên, **người bán có trách nhiệm thực hiện kê khai đầy đủ thông tin người mua (tên, địa chỉ, mã số định danh cá nhân/mã số thuế) trên hóa đơn nếu người mua yêu cầu.**

Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

Lưu ý:

- Đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế, người nộp thuế **có thể sử dụng đồng thời của nhiều nhà cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.**
- Thời điểm lập hóa đơn của người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền áp dụng theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Đối với người nộp thuế có bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đặc thù 24/24h thì việc áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền sẽ đáp ứng được hạn chế về thời điểm lập hóa đơn đối với những giao dịch vào đêm khuya.

Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

(Công văn 4803/TCT-CS ngày 27/10/2023 của Tổng cục Thuế)

1. Về nội dung hóa đơn điện tử có mã của CQT được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế

Nội dung hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế về thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử tại Quyết định số 1450/QĐ-TCT ngày 07/10/2021 và các Quyết định, Thông báo sửa đổi bổ sung (nếu có).

Trường hợp người mua yêu cầu, người bán lập hóa đơn có thông tin “mã số định danh cá nhân hoặc mã số thuế” của người mua.

Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

(Công văn 4803/TCT-CS ngày 27/10/2023 của Tổng cục Thuế)

2. Về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có sai sót

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp **hóa đơn có sai sót về địa chỉ của người mua nhưng các nội dung khác không sai sót** thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử có sai sót theo **Mẫu số 04/SS-HĐĐT** Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP .

Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

(Công văn 4551/TCT-CNTT ngày 13/10/2023 của Tổng cục Thuế)

Đối với quy định về định dạng dữ liệu HĐĐT của hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng, hóa đơn khác là HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền tại Quyết định số 1510/QĐ-TCT ngày 21/9/2022 chưa quy định các chỉ tiêu “Đơn vị tiền tệ” (thẻ “DVTTe”), “Tỷ giá” (thẻ “Tgia”) là các chỉ tiêu bắt buộc đối với các cơ sở kinh doanh sử dụng đồng ngoại tệ.

Trường hợp người nộp thuế có phát sinh các chỉ tiêu **“Đơn vị tiền tệ” (thẻ “DVTTe”), “Tỷ giá” (thẻ “Tgia”)** thì người nộp thuế sử dụng chỉ tiêu **“Thông tin khác” (thẻ “TTKhac”)** để phục vụ công tác quản lý.

Hóa đơn điện tử đối với nghiệp vụ hoàn trả hàng hóa

(Công văn 4511/TCT-CS ngày 11/10/2023 của Tổng cục Thuế)

Căn cứ quy định và hướng dẫn nêu trên, trường hợp **người bán nhận lại hàng hóa trả lại một phần hoặc toàn bộ** thì thực hiện **lập hóa đơn điều chỉnh giảm hoặc thay thế cho hóa đơn** đã lập theo quy định tại khoản 1 Điều 4 và điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Đối với kê khai bổ sung đối với hóa đơn điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020.

Xử lý hóa đơn điện tử đã lập có sai sót

(Công văn 1647/TCT-CS ngày 10/5/2023 của Tổng cục Thuế)

Trường hợp doanh nghiệp lập hóa đơn điện tử bị sai (gọi là hóa đơn F0), sau đó doanh nghiệp lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế (gọi là hóa đơn F1 điều chỉnh/thay thế cho hóa đơn F0) và phát hiện hóa đơn F1 vẫn bị sai thì:

- + Nếu lựa chọn phương pháp **điều chỉnh**: Doanh nghiệp lập hóa đơn **F2 điều chỉnh cho hóa đơn F0** (lúc này hóa đơn F0 đã bị điều chỉnh bởi hóa đơn F1).
- + Nếu lựa chọn phương pháp **thay thế**: Doanh nghiệp lập hóa đơn **F2 thay thế cho hóa đơn F1** (lúc này hóa đơn F0 đã bị thay thế bởi hóa đơn F1).

Xử lý hóa đơn điện tử đã lập có sai sót

(Công văn 1647/TCT-CS ngày 10/5/2023 của Tổng cục Thuế)

Đối với hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính **có sai sót thì:**

=> **doanh nghiệp lập hóa đơn thay thế theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC** ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính **thì doanh nghiệp không phải hủy hóa đơn đã lập, không phải gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.**

Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo **Mẫu 04/SS-HĐĐT** ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP .

Xử lý phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ có sai sót

(Công văn 1647/TCT-CS ngày 10/5/2023 của Tổng cục Thuế)

Trường hợp **Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử đã lập và đã gửi đến cơ quan thuế để cấp mã hoặc đã gửi dữ liệu đến cơ quan thuế có sai sót** thì người nộp thuế thực hiện xử lý sai sót theo nguyên tắc quy định tại **Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ**.

Hóa đơn điện tử có mã của CQT cấp theo từng lần phát sinh

(Công văn 1970/TCT-CS ngày 23/5/2023 của Tổng cục Thuế)

Trường hợp cơ sở kinh doanh đăng ký kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bị cơ quan thuế **cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn thì thuộc trường hợp cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh** khi bán hàng hóa, dịch vụ, *xuất điều chuyển hàng hóa cho các chi nhánh, cửa hàng ở khác địa phương hoặc xuất hàng hóa cho các cơ sở nhận làm đại lý.*

Trường hợp cơ sở kinh doanh đang bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP không có quy định cấp phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo từng lần phát sinh thì cơ sở kinh doanh thực hiện gửi **Mẫu số 06/ĐN-PSĐT** - Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế theo từng lần phát sinh **để sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh.**

Lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn sai sót đối với người nộp thuế đang bị cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn

(Công văn 575/TCT-QLN ngày 28/2/2023 của Tổng cục Thuế)

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn lập hóa đơn điều chỉnh hoặc lập hóa đơn thay thế hóa đơn đã lập có sai sót thì đều phải lập hóa đơn mới.

Trường hợp Công ty **đang bị áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn, Công ty cần lập hóa đơn để thay thế hoặc điều chỉnh cho hóa đơn đã lập thì Công ty được sử dụng hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh và phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng** vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 34 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Khôi phục hóa đơn điện tử đã bị hủy

(Công văn 1499/TCT-CS ngày 25/4/2023 của Tổng cục Thuế)

*“Hệ thống hóa đơn điện tử đã tự động xử lý và ghi nhận đúng trạng thái người nộp thuế gửi đến và **không có quyền điều chỉnh trạng thái hóa đơn** của người nộp thuế.*

Khi tra cứu trên cổng của cơ quan thuế các hóa đơn này sẽ thể hiện thông tin là hóa đơn đã bị hủy.”

=> Trường hợp người nộp thuế gửi mẫu 04/SS-HĐĐT đến cơ quan thuế với tính chất “hủy” thì không thể khôi phục trạng thái của hóa đơn đã hủy.

Hóa đơn chiết khấu thương mại

(Công văn 3292/TCT-CS ngày 02/8/2023 của Tổng cục Thuế)

Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng (nếu có) thì **giá tính thuế GTGT là giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng.**

Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào **số lượng, doanh số** hàng hóa, dịch vụ **thì số tiền chiết khấu** của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của **lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau.**

Trường hợp số tiền chiết khấu được lập **khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu** hàng bán thì được lập hóa đơn **điều chỉnh kèm bảng kê** các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh.

Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua **kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào.**

Hóa đơn chiết khấu thương mại

Số tiền chiết khấu thương mại trên hóa đơn điện tử theo định dạng chuẩn dữ liệu tại phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định 1450/QĐ-TCT của Tổng cục Thuế là **giá trị 3, thể hiện giá trị dương và Hệ thống hóa đơn điện tử sẽ tự động ghi giảm số tiền chiết khấu.**

Khi phát hiện khoản chiết khấu thương mại có sai sót cần điều chỉnh tăng/giảm khoản chiết khấu thương mại theo thực tế phát sinh, doanh nghiệp xử lý sai sót theo quy định tại Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 7 Thông tư 78/2021/TT-BTC:

“e) Riêng đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn có sai sót thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh.”

Tuy nhiên: Đối với trường hợp điều chỉnh giảm giá trị chiết khấu thương mại, để thuận lợi khi lập hóa đơn, theo dõi dữ liệu và kê khai thuế, **khuyến khích doanh nghiệp lập hóa đơn thay thế.**

Chấm dứt hiệu lực MST của người phụ thuộc có 2 MST

(Công văn 3981/TCT-KK ngày 11/9/2023 của Tổng cục Thuế)

Trường hợp người nộp thuế đang làm việc cho cơ quan chi trả thu nhập thì nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại cơ quan chi trả thu nhập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư số 105/2020/TT-BTC.

Trường hợp người nộp thuế không làm việc cho cơ quan chi trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế cho Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư số 105/2020/TT-BTC.

Việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 105/2020/TT-BTC.

THANK YOU FOR
YOUR LISTENING!

